

Thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc

ISSN: 2734-9195 14:30 01/10/2025

Tinh thần nhập thế tích cực của thiền phái Chúc Thánh vẫn có ý nghĩa trong bối cảnh hiện tại, thể hiện việc kết hợp tu hành với phục vụ cộng đồng, đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

Tác giả: **TS.Ninh Thị Sinh (1) - Thích nữ An Khánh (2)**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

Mở đầu

Trong lịch sử dân tộc Việt Nam, Phật giáo không chỉ đóng vai trò là một tôn giáo tâm linh mà còn là nguồn động lực tinh thần quan trọng trong các cuộc đấu tranh bảo vệ và giải phóng đất nước. Từ khi du nhập vào Việt Nam hơn hai nghìn năm, Phật giáo đã dần hòa quyện với văn hóa dân tộc, hình thành nên những đặc trưng riêng biệt, trong đó tinh thần “hộ quốc an dân” trở thành một trong những giá trị cốt lõi.

Thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh, được thành lập bởi thiền sư Minh Hải Pháp Bảo vào cuối thế kỷ XVII tại Đàng Trong, là một trong những tông phái tiêu biểu thể hiện rõ nét truyền thống này. Trải qua hơn 350 năm tồn tại và phát triển, nhiều thế hệ cao tăng thuộc dòng thiền này đã thể hiện tinh thần dẫn thân vì đất nước, từ việc tham gia các cuộc khởi nghĩa chống ngoại xâm đến những hành động hy sinh cao cả vì lý tưởng độc lập dân tộc và tự do tôn giáo. Nghiên cứu này nhằm khảo sát và làm rõ vai trò của thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh trong các giai đoạn đấu tranh giải phóng dân tộc, qua đó góp phần làm sáng tỏ mối quan hệ hữu cơ giữa Phật giáo Việt Nam và lý tưởng độc lập, tự do của dân tộc.

Nội dung

I. Tổng quan về Thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh

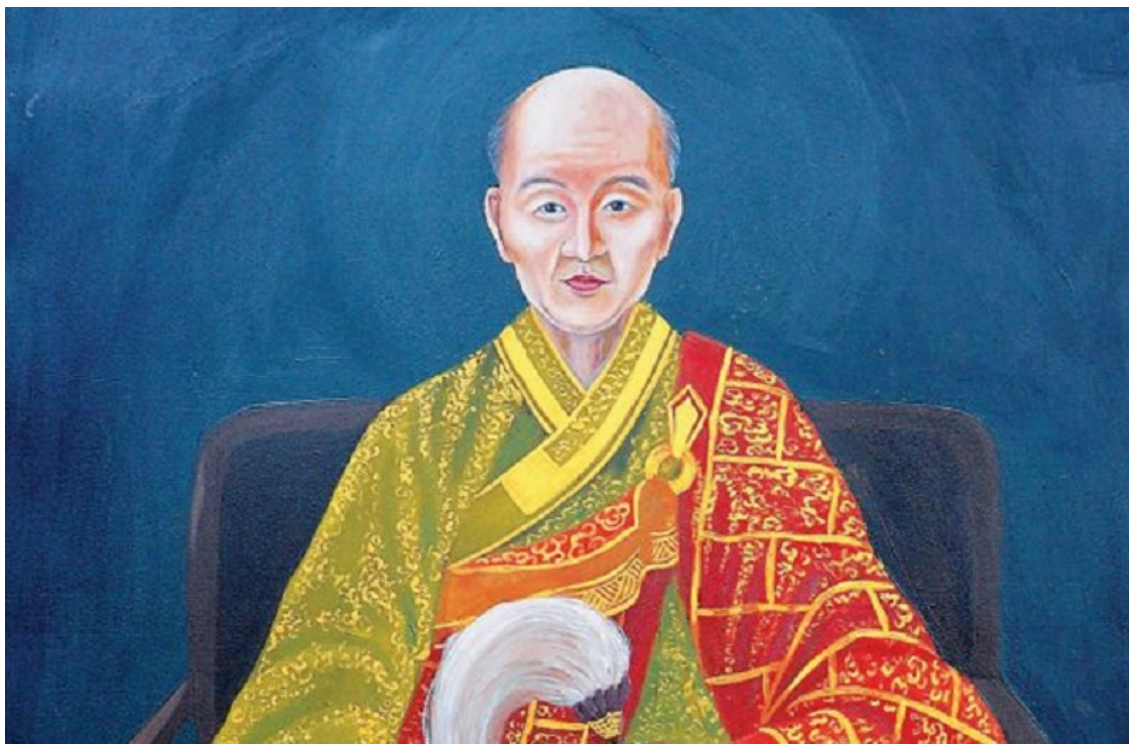
Thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh ra đời trong bối cảnh lịch sử đặc biệt của Đại Việt từ thế kỷ XVI đến XVII. Bắt đầu từ những năm 30 của thế kỷ XVI, đất nước chuyển sang giai đoạn đầy biến động khi Đại Việt bị chia cắt thành Nam triều và Bắc triều. Cụ thể, Bắc triều đóng tại thành Thăng Long do nhà Mạc cầm quyền, Nam triều đóng tại thành Tây Kinh (Thanh Hóa) do nhà Lê cầm quyền với sự phò tá của Nguyễn Kim - cựu thần nhà Lê Sơ. Hệ quả tất yếu của việc xung đột chính trị này là sự trì trệ của nền kinh tế và đời sống khổ cực của nhân dân.

Năm 1592, dù nhà Mạc thất thế, chạy về Cao Bằng, vua Lê được rước về Thăng Long, tình hình chính trị Đại Việt vẫn chưa thống nhất, mà lại hình thành một cục diện mới với tên gọi thời kỳ Trịnh - Nguyễn phân tranh. Hai họ Trịnh và Nguyễn bắt nguồn từ việc giương cờ danh nghĩa “phù Lê diệt Mạc”, đã dần dần xây dựng thực quyền chính trị cho riêng mình. Họ Trịnh vẫn giữ ngôi vua cho nhà Lê, song tự xưng tước Chúa và nắm thực quyền, lãnh thổ thống trị từ sông Gianh (tỉnh Quảng Bình) trở ra phía Bắc, được gọi là Đàng Ngoài (chữ Nôm: 𠂔𠂔), hay còn gọi là Bắc Hà (𠂔𠂔). Họ Nguyễn xưng Chúa, cai trị vùng độc lập Đàng Trong (chữ Nôm: 𠂔𠂔), hay còn gọi là Nam Hà (𠂔𠂔), lãnh thổ Đại Việt từ sông Gianh trở vào phía Nam.

Trải qua gần trăm năm nội loạn phân ly, nhu cầu tâm linh tôn giáo đối với người dân Đại Việt trở nên cấp thiết. Các chúa ở cả hai đàng Đàng Ngoài và Đàng Trong đều hết lòng ủng hộ, phục hưng Phật giáo - tôn giáo nêu bày rõ bản chất vô thường của thế giới và con người, mang giá trị nhân văn sâu sắc, truyền tải sự thấu hiểu và yêu thương vô vụ lợi. Đặc biệt, ở Đàng Trong, các chúa Nguyễn thực hiện chính sách mở cửa phát triển thương mại, tiêu bản là cảng thị Hội An, đón nhận sự giao lưu kinh tế - văn hóa với ngoại quốc.

Bối cảnh này tạo tiền đề thuận lợi cho sự du nhập của các tăng nhân ngoại quốc, mà phần đông là các cao tăng Trung Quốc. Năm Đinh Tỵ (1677), thiền sư Nguyên Thiều Siêu Bạch (1648-1728), đời thứ 33 tông Lâm Tế phủ Triều Châu (tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc), đã theo đoàn thuyền buôn sang nước ta hóa đạo. Thiền sư cùng các tăng sĩ tháp tùng cư ngụ tại phủ Quy Ninh (tức phủ Quy Nhơn, Bình Định). Năm Quý Hợi (1683), tại vùng đất huyện Tuy Viễn, chùa Thập Tháp do thiền sư xây dựng chính thức hoàn công. Sách Đại Nam nhất thống chí giải thích lý do chùa có tên Thập Tháp vì phía sau chùa có mười ngọn tháp Chiêm Thành (3). Năm Tân Mùi (1691), chúa Nguyễn Phúc Chu (𠂔𠂔𠂔, 1675 - 1725) ban sắc phong và biển ngạch mang tên Thập Tháp Di Đà Tự. Nơi đây đánh dấu sự khởi đầu du nhập thiền phái Lâm Tế ở Đàng Trong, với hóa chủ là thiền sư Nguyên Thiều Siêu Bạch. Từ đây, các chi phái thiền thuộc tông Lâm Tế lần lượt ra đời, dần dần hoà quyện với văn hoá, tư tưởng Phật giáo Việt Nam.

Tiếp nối mạch nguồn giáo pháp, các chi phái thiền thuộc tông Lâm Tế lần lượt ra đời. Bên cạnh việc kế thừa và phát huy giá trị cốt lõi của thiền phái Lâm Tế, các chi thiền Lâm Tế tại Đại Việt dần dần hòa quyện với văn hóa – tư tưởng Phật giáo nước Việt, chính thức dung nhập vào dòng chảy lịch sử, đồng hành cùng dân tộc Việt Nam. Trong đó, thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh do thiền sư Minh Hải Pháp Bảo sáng lập là một điển hình.



(Ảnh: Internet)

Thiền sư Minh Hải Pháp Bảo thế danh là Lương Thế Ân, sanh năm Canh Tuất niên hiệu Khang Hy thứ 9 (1670) triều Thanh, tại làng Thiệu An, huyện Đồng An, phủ Tuyên Châu, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc. Thân phụ Ngài có tên là Lương Đôn Hậu, thân mẫu là Trần Thục Thận. Gia đình gồm có 3 anh em, người anh cả là Lương Thế Bảo, em trai là Lương Thế Định. Ngài là con thứ hai. Tương truyền, gia đình ngài theo truyền thống Nho giáo tại Trung Hoa, nhưng từ thuở nhỏ thiền sư đã nổi tiếng thông minh khác người và mến mộ Phật pháp.

Năm Mậu Ngọ niên hiệu Khang Hy thứ 17 (1678), thiền sư được cha mẹ đưa đến xuất gia tại chùa Báo Tư Tân (报寺坦) thuộc phủ Quảng Châu, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc - nơi mà thiền sư Nguyên Thiều Siêu Bạch từng xuất gia tu học, trước khi đến hóa đạo ở Đàng Trong – Đại Việt. Năm 20 tuổi (1690), ngài thọ Đại giới, chính thức dự vào hàng Tăng với pháp danh Minh Hải, tự Đắc Trí, hiệu Pháp Bảo, nối pháp đời 34 tông Lâm Tế. Pháp danh của ngài được ban theo kệ truyền thừa chi phái Thiên Đồng tông Lâm Tế (hay còn gọi là Lâm Tế Chánh Tông) do thiền sư Vạn Phong Thời Ủy, đời thứ 21 tông Lâm Tế biệt xuất.

Vào khoảng năm 1687 - 1690, chúa Nguyễn Phúc Thái (阮福泰, 1649 - 1691, các sử liệu cũ vẫn gọi là Nguyễn Phúc Trăn) cử thiền sư Nguyên Thiều sang Trung Quốc thỉnh các vị danh tăng, cùng với kinh sách, tượng và pháp khí về Đại Việt. Thiền sư Minh Hải Pháp Bảo là một trong số những vị cao tăng trong đoàn từ Trung Quốc sang Đại Việt vào dịp này. Khoảng năm Đinh Sửu (1697), ngài vân du đến làng Cẩm Phô - Hội An (nay là phường Hội An, thành phố Đà Nẵng), lập am tĩnh tu. Sau một thời gian nghiêm tu phạm hạnh, hương giới đức lan tỏa, dân làng và những người mộ Phật lân cận phố Hội quy tụ về tham học với ngài ngày một đông. Khi nhận thấy cơ duyên hóa độ đã đến, thiền sư Minh Hải Pháp Bảo chính thức khai đường thuyết pháp, tiếp tăng độ chúng, đồng thời biệt xuất bài kệ truyền thừa (4):

□ □ □ □ □

□ □ □ □ □

□ □ □ □ □

□ □ □ □ □ .

□ □ □ □ □

□ □ □ □ □

□ □ □ □ □

□ □ □ □ □ .

Minh Thật Pháp Toàn Chương

Ấn Chân Như Thị Đồng

Chúc Thánh Thọ Thiên Cửu

Kỳ Quốc Tộ Địa Trường.

Đắc Chính Luật Vi Tông

Tổ Đạo Giải Hạnh Thông

Giác Hoa Bồ Đề Thọ

Sung Mãn Nhân Thiên Trung.

Hiếu thấu pháp chân thực

Ấn Chân Như hiện tiền

Cầu Thánh quân tuổi thọ

Chúc đất nước vững bền.

Giới luật nêu trước tiên

Giải và Hạnh nối liền

Hoa nở cây giác ngộ

Hương thơm lòng nhân thiên

(Nguyễn Lang dịch)

Thiền sư lấy bốn câu kệ đầu làm pháp danh cho hệ mạch truyền thừa, và bốn câu kệ sau làm pháp tự. Từ một thiền am ban đầu, Tổ đình Chúc Thánh với thiền phái cùng tên thuộc dòng Lâm Tế Chánh Tông chính thức được Ngài thành lập trên đất Đại Việt.

Trải qua hơn 50 năm nghiêm trì giới luật, phụng sự đạo pháp trên mảnh đất thiêng Đại Việt, hoàn thành trách nhiệm tiếp nối và truyền thừa Phật pháp của một sứ giả Như Lai. Biết nhân duyên viên mãn, Ngài gọi đồ chúng đến dặn dò và trao kệ phó chúc:

□ □ □ □ □

□ □ □ □ □

□ □ □ □ □

□ □ □ □ □ .

Nguyên phù pháp giới không

Chân như vô tánh tướng

Nhược liễu ngộ như thử

Chúng sinh dữ Phật đồng.

Pháp giới như mây nổi

Chân như không tánh tướng

Nếu hiểu được như vậy

Chúng sinh với Phật đồng.

Ngày mồng 7 tháng 11 năm Bính Dần (1746), nhằm niên hiệu Cảnh Hy thứ 7 đời vua Lê Hiển Tông, thiền sư Minh Hải Đắc Trí Pháp Bảo thấu thân thị tịch, trụ thế 76 tuổi. Môn đồ cung thỉnh nhục thân Ngài nhập bảo tháp ở phía Tây Nam khuôn viên Tổ đình Chúc Thánh, Hội An, tỉnh Quảng Nam (nay thuộc phường Hội An, thành phố Đà Nẵng).

Thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh mang đậm tinh thần “hộ quốc an dân” thể hiện rõ qua câu kệ “Chúc thánh thọ thiên cửu, Kỳ quốc tộ địa trường”. Đây là nét đặc trưng của Phật giáo Việt Nam - sự kết hợp hài hòa giữa lý tưởng giác ngộ giải thoát cá nhân và trách nhiệm xã hội đối với đất nước, dân tộc. Kế thừa và phát huy trọn vẹn tinh thần nhập thế tích cực, nét đặc trưng của Phật giáo nước Việt, các bậc cao tăng thiền phái Chúc Thánh trong nhiều thế hệ đã hoàn thành trọn vẹn trách vụ “thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh”, thực hiện “động vi binh, tịnh vi tăng”- khi cần thiết có thể tạm rời tự viện để phụng sự đất nước. Tính đến năm 2024, thiền phái đã được tiếp nối qua 13 đời truyền thừa, tạo ra một mạng lưới rộng khắp các tổ đình từ Quảng Nam, Đà Nẵng đến Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa. Ngoài việc duy trì và phát triển các đạo tràng, thiền phái còn đóng góp đáng kể vào nền văn học Phật giáo và văn học Hán-Nôm Việt Nam. Đặc biệt, trong các giai đoạn lịch sử quan trọng của dân tộc, nhiều cao tăng thuộc dòng thiền này đã thể hiện tinh thần dẫn thân vì nước, tiêu biểu là thiền sư Pháp Kiêm Luật Oai Minh Giác (thế hệ thứ 3), thiền sư Như Ý, thế hệ thứ 6, (Trần Cao Vân) và Hòa thượng Thích Quảng Đức (thế hệ thứ 9).

II. Ba điển hình tiêu biểu của thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc

2.1 Thiền sư Pháp Kiêm Luật Oai Minh Giác

Thiền sư Pháp Kiêm Minh Giác thế danh Võ Đức Nghiêm, sanh năm Đinh Mão (1747), tức năm thứ 10 đời chúa Nguyễn Phúc Khoát (1714 – 1765), tại thôn Ngọc Trì, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi (nay thuộc huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi). Thiền sư từ thời niên thiếu đã thông tuệ hơn người cùng trang lứa, lại trầm mặc ít nói, sớm biết niệm Phật, thể hiện chí nguyện xuất trần. Năm Kỷ Mão (1759), nghe danh thiền sư Thiệt Dinh Ân Triêm (đời 35 dòng Lâm Tế, thế hệ thứ 2 pháp phái Chúc Thánh, nối pháp thiền sư Minh Hải Pháp Bảo), là bậc cao tăng đắc đạo đang hoằng pháp tại tổ đình chùa Phước Lâm, Hội An nên ngài tìm đến tham lễ và xin xuất gia học đạo. Thiền sư Ân Triêm nhận thấy ngài tuy tuổi nhỏ nhưng có tư thái của bậc pháp khí thiền môn nên hoan hỷ nhận làm đồ đệ, ban cho pháp danh là Pháp Kiêm, tự Luật Oai, kế tự thiền phái Lâm Tế đời thứ 36 và cũng là thế hệ thứ 3 thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh theo bài kệ truyền thừa của Tổ sư Minh Hải Pháp Bảo (5).

Năm Canh Dần (1770), sau hơn 10 năm tham thiền học đạo tại Phước Lâm, ngài xin về làng thăm viếng song thân. Trong lần hồi hương này, gặp lúc các tộc người thiểu số vùng Đá Vách (man Thạch Bích) đang nổi dậy chống lại triều đình, quấy nhiễu cướp phá khắp vùng, cảm khái nỗi bất an của nhân dân, ngài “cởi ca-sa, khoác chiến bào” tòng quân dưới quyền chỉ huy của Khâm sai Cai bạ Trần Phước Thành bình bạo loạn (6), đem lại sự bình yên cho quê hương. Thời gian chiến đấu trong quân ngũ, ngài lập được nhiều chiến công nên dần dần được thăng chỉ huy. Tuy nhiên vốn mang trong mình chủng Bồ-đề sâu dày, kinh qua những bối cảnh loạn ly, ngấm thấu thương hải tang điền nơi thế sự, sau khi loạn Đá Vách tạm yên, ngài âm thầm trở lại Hội An, tiếp tục chí nguyện giác ngộ giải thoát của mình, lập mật hạnh quét chợ khu phố Hội trải 20 năm ròng rã bất kể nắng mưa.

Năm Mậu Ngọ (1798), ngài được chư tăng sơn môn cùng tín đồ Phật tử thỉnh về trụ trì chùa Chiên Đàn và tôn hiệu là Minh Giác Hoà Thượng. Ngài cùng với thiền sư Pháp Ấn Tường Quang Quảng Độ quyên mộ tài vật, tái thiết tổ đình Phước Lâm sau khi bị tàn phá bởi cuộc chiến Tây Sơn. Năm 1811, thiền sư Pháp Ấn viên tịch, ngài chính thức kế thế trụ trì ngôi tổ đình, tiếp tục xiển dương chánh pháp, khiến nơi đây trở thành một tông lâm hưng thịnh của đất Quảng.

Năm Canh Dần (1830), sau khi dặn dò khuyến tấn đồ chúng và truyền trao y bát cho đệ tử là Toàn Nhâm Quán Thông kế thế trụ trì tổ đình Phước Lâm, thiền sư an nhiên thị tịch, thọ thế 84 năm. Môn đồ cung thỉnh nhục thân ngài nhập bảo tháp trong khuôn viên chùa Phước Lâm. Mãi đến hôm nay, hương đức hạnh của thiền sư Pháp Kiêm Luật Oai vẫn thấm đẫm trong lòng người con Phật vùng Hội phố, người sau vẫn nhớ đến ngài với danh xưng: “tổ Bình Man Tảo thị” (平蠻祖師), vị tăng sĩ kiên tâm với đạo pháp nhưng cũng vẹn nghĩa với non sông.

2.2 Sư Như Ý - chí sĩ Trần Cao Vân và cuộc khởi nghĩa Võ Trú năm 1900

Năm Mậu Ngọ (1858), liên quân Pháp – Tây Ban Nha tiến hành tấn công cảng Đà Nẵng, sau đó mở rộng chiến tranh xâm lược ra toàn miền Nam Đại Nam. Đến năm Kỷ Mùi (1884), tại kinh đô Huế, triều đình nhà Nguyễn ký Hòa ước Giáp Thân (hay còn gọi là Hòa ước Patenôtre, gồm 19 điều khoản), Đại Nam chính thức mất quyền độc lập tự chủ, đất nước bị phân thành ba xứ: Bắc Kỳ (Tonkin), Trung Kỳ (Annam) và Nam Kỳ (Cochinchine) hoạt động chính trị dưới ba chế độ khác nhau. Nam Kỳ là xứ thuộc địa Pháp; Bắc Kỳ và Trung Kỳ là xứ Pháp bảo hộ nhưng triều đình nhà Nguyễn trên danh nghĩa vẫn được quyền kiểm soát. Bắt đầu từ giai đoạn này (1885 - 08/1945), trên toàn lãnh thổ Đại Nam đã diễn ra hàng loạt các phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, phát

xuất từ nhiều tầng lớp nhân dân yêu nước. Trong đó phải kể đến cuộc khởi nghĩa “Giặc Thầy Chùa” tại Phú Yên từ năm 1898 - 1900, được lãnh đạo bởi Võ Trứ (1849 - 1900), từng xuất gia làm đệ tử một sư thầy tại chùa Đá Bạc tại vùng núi thuộc làng Chánh Danh, nằm giữa hai huyện Phú Cát và Phù Mỹ, tỉnh Bình Định). Một trong những phụ tá đắc lực của Võ Trứ trong cuộc khởi nghĩa này là chí sĩ Trần Cao Vân (1866 - 1914) (7).



Chùa (tổ đình) Chúc Thánh (ảnh: Internet)

Trần Cao Vân sinh năm Bính Dần (1866), người làng Tư Phú, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Ông còn có tên là Trần Công Thọ, khi đi thi hương lấy tên là Trần Cao Đệ. Là một người uyên thâm văn học, ông cùng với các danh sĩ Võ Hoành, Phạm Liệu và Huỳnh Thúc Kháng, được người đời phong là “tứ hùng” của miền Trung nước Việt (8). Năm Ất Dậu (1885), Trần Cao Vân từ biệt gia đình, đến trú tại chùa Cổ Lâm (huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam) – ngôi Tổ đình thuộc thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh, xuất gia với pháp danh Như Ý, hiệu Hồng Việt.

Năm Nhâm Thìn (1892), cảm khái vận mệnh nước nhà, sư Như Ý rời quê hương Quảng Nam tìm đường giải phóng dân tộc. Năm Ất Mùi (1895), với vai trò là chí sĩ Trần Cao Vân hội ngộ và phối hợp với Võ Trứ cùng một số tăng sĩ đất Phú Yên, chọn chùa Từ Quang - một trong bốn Tổ đình chính mang đậm dấu ấn truyền thừa và có ảnh hưởng rất lớn đối với lịch sử phát triển Thiền phái Chúc Thánh tại Phú Yên, do thiền sư Pháp Chuyên Luật Truyền Diệu Nghiêm (nổi pháp đời 36

tông Lâm Tế, thế hệ thứ 3 pháp phái Chúc Thánh), khai sơn năm Đinh Tỵ (1797) - làm nơi hội họp, bàn bạc kế hoạch cho cuộc khởi nghĩa chống Pháp vào năm 1898.

Năm Canh Tý (1900), cuộc khởi nghĩa thất bại, Võ Trứ bị chính quyền thực dân Pháp xử tử. Về cuộc khởi nghĩa này, Nguyễn Tài Thư nhận định như sau: *“Cuộc khởi nghĩa tuy thất bại nhưng đã làm rung chuyển nền tảng cai trị của thực dân ở các tỉnh Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận... Giặc kinh hồn. Rất lâu về sau mới yên được”* (9). Cũng theo Nguyễn Tài Thư, cùng thời kỳ, ngoài cuộc khởi nghĩa Võ Trứ lãnh đạo, còn có các phong trào khởi nghĩa yêu nước do các tăng sĩ và đồng bào Phật tử lãnh đạo như: cuộc mưu đánh vào Hà Nội năm 1898 do sư Vương Quốc Chính lãnh đạo, và cuộc tổng tiến công vào Sài Gòn năm 1916 do cư sĩ Nguyễn Hữu Trí lãnh đạo (10).

Riêng chí sĩ Trần Cao Vân, sau thất bại của cuộc khởi nghĩa Võ Trứ, ông vẫn không nguôi tâm nguyện giúp nước cứu dân khỏi ách thống trị của thực dân. Đến năm Nhâm Tý (1912), ông tham gia vào hội Việt Nam Quang Phục do Phan Bội Châu đề xướng thành lập, cùng với Thái Phiên trở thành những lãnh tụ chủ chốt trong tổ chức cách mạng. Năm Bính Thìn (1916), Trần Cao Vân và Thái Phiên được giao nhiệm vụ làm cầu nối với vua Duy Tân, đồng thời chỉ huy khởi nghĩa chống thực dân Pháp tại kinh đô Huế. Song, cuộc khởi nghĩa không thành công, Trần Cao Vân và Thái Phiên đều bị chính quyền bảo hộ ra lệnh trảm quyết.

Trong cuộc khởi nghĩa năm 1916 của Trần Cao Vân và Thái Phiên, phải kể đến sự đóng góp của thiền sư Ấn Bản Vĩnh Gia Tổ Nguyên (nổi pháp đời 39 tông Lâm Tế, thế hệ thứ 6 pháp phái Chúc Thánh), vị cao tăng trụ trì chùa Cổ Lâm rất được triều đình Huế kính trọng. Hòa thượng đã âm thầm giúp đỡ, cố vấn cho hai chí sĩ cách mạng (11).

Hình ảnh dẫn thân vệ quốc của chư Sư và đồng bào Phật tử thời kỳ này, cùng với sự che chở bảo hộ những nhà hoạt động của những ngôi già-lam thuộc thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh ở các vùng Quảng Nam, Bình Định, Phú Yên... là minh chứng hùng hồn cho tinh thần hộ quốc an dân, đạo pháp luôn đồng hành cùng dân tộc của Phật giáo Việt Nam.

2.3 Hòa thượng Thích Quảng Đức



(Ảnh: Internet)

Hòa thượng Thích Quảng Đức tên thật là Lâm Văn Tuất, sinh vào giờ Tý, ngày 15 tháng 9, năm Mậu Tuất (29/10/1898). Một thế danh khác của ngài là Nguyễn Văn Khiết sinh ngày 15 tháng 10 năm 1890. Đây là tên họ và năm sinh theo thế căn cước do ngài khai vào năm 1955 (12). Ngài sinh ra trong một gia đình làm nông tại làng Hội Khánh, xã Vạn Khánh, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa. Thân phụ là cụ ông Lâm Hữu Ứng, pháp danh Thị Cẩm; thân mẫu là cụ bà Nguyễn Thị Nương, pháp danh Thị Tùng.

Lên 7 tuổi, Ngài được song thân cho xuất gia thọ giáo với cậu ruột là Hòa thượng Như Đạt Giải Nghĩa Hoàng Thâm, trụ trì chùa Long Sơn, thuộc dòng thiền Lâm Tế Chúc Thánh, và được Hòa thượng nhận làm con, chính thức đổi tên họ Ngài là Nguyễn Văn Khiết.

Năm 15 tuổi, ngài thọ giới Sa-di. Năm 20 tuổi thọ giới Tỳ-kheo và Bồ-tát, được Hòa thượng Bốn sư ban pháp danh Thị Thủy, pháp tự Hành Pháp, pháp hiệu Quảng Đức, nối pháp đời thứ 9 dòng thiền Lâm Tế Chúc Thánh. Năm 1948, ngài rời Khánh Hòa vào Nam, hành đạo khắp các tỉnh Sài Gòn, Gia Định, Định Tường, Tây Ninh, Bà Rịa xuống đến Hà Tiên. Ngài cũng đã từng sang Nam Vang lưu trú ba năm, vừa giáo hóa các Phật tử kiều bào, vừa nghiên cứu kinh điển Pāli và Phật giáo Nam tông (13).

Trong khoảng thời gian từ năm 1955 - 1963, chính quyền tại miền Nam Việt Nam lâm thời đã thực thi nhiều chính sách bất bình đẳng về tôn giáo, dẫn đến hiện trạng mâu thuẫn tôn giáo ngày một gay gắt. Đặc biệt đối với Phật giáo, chính quyền sở tại áp dụng nhiều biện pháp áp chế, khủng bố cộng đồng Phật

tử. Những cuộc đấu tranh bất bạo động diễn ra khắp các tỉnh thành ở miền Nam Việt Nam như Huế, Quảng Trị, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang.

Đến ngày 11 tháng 6 năm 1963 (ngày 20/04/ Quý Mão), một sự kiện lịch sử diễn ra chấn động tâm thức và dư luận của cả thế giới. Vào ngày này, trên 800 vị Thượng tọa, Đại đức, Tăng Ni và Phật tử tổ chức cuộc diễn hành rước di ảnh các Thánh tử đạo từ chùa Phật Bửu (đường Cao Thắng ngày nay) đến chùa Xá Lợi, khi đoàn diễn hành tiến đến ngã tư đường Phan Đình Phùng và Lê Văn Duyệt (nay là đường Nguyễn Đình Chiểu và Cách mạng tháng 8), Hòa thượng Thích Quảng Đức (bấy giờ là Thượng tọa) từ trên xe hơi bước xuống, ngồi kiết già dưới mặt đường, nhờ một vị tăng tắm xăng thấm ướt cà sa, rồi tự mình châm lửa giữa hàng trăm Tăng Ni, Phật tử đang vây quanh chấp tay cầu nguyện, bảo vệ tâm nguyện của ngài khỏi sự trấn áp ngăn cản của lực lượng an ninh chính quyền lâm thời. Ngọn lửa bốc cao, phủ kín thân mình, Ngài vẫn an nhiên chấp tay tĩnh tọa. Lửa tàn, ngài ngã xuống, tay vẫn còn quyết ấn tam muội.

Nhục thân của ngài rước về quán tại chùa Xá Lợi hơn một tuần lễ. Đến ngày 20 tháng 6 năm 1963, Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo cùng tất cả chư Tăng Ni và Phật tử tổ chức Lễ rước đưa về An dưỡng địa (Phú Lâm, Sài Gòn), cử hành trọng thể lễ trà tỳ. Điều nhiệm mầu đã xảy ra, sau khi nhục thân ngài biến thành tro, thì lạ lùng thay, quả tim vẫn còn. Quả tim lại được đưa trở lại lò thiêu điện với ngọn lửa trên 4.000oC trong nhiều giờ liền, nhưng không bị tiêu hủy, mà trở thành một khối rắn như kim cương với hình dáng nguyên vẹn một cách huyền diệu, lạ thường.

Hình ảnh an nhiên thị tịch trong ngọn lửa rực cháy quanh thân, cùng trái tim bất diệt của Hòa thượng Thích Quảng Đức đã làm rung động không chỉ riêng tín đồ Phật giáo Việt Nam, mà còn đánh thức tâm cảm của rất nhiều con người trên thế giới, để rồi sau đó góp phần thay đổi cả một cục diện bế tắc của xã hội miền Nam Việt Nam lúc bấy giờ. Thông qua những bản văn do đích thân ngài thủ bút, tiêu biểu là “Lời nguyện tâm quyết”, có thể nói những hệ quả sau sự kiện vị pháp thiêu thân của ngài, chính là kết quả cảm ứng tất yếu từ tâm thành của một vị Bồ-tát. Mãi đến giây phút sau cùng, ngài vẫn không hề gieo rắc hận thù, không bi lụy tuyệt vọng, mà chỉ một lòng hướng về đạo pháp, dùng thân cúng dường Tam bảo, nguyện cầu quốc thái dân an, Phật giáo trường tồn.

2. Ý nghĩa



Chùa (tổ đình) Chúc Thánh (ảnh: Internet)

Qua nghiên cứu ba điển hình tiêu biểu của thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh, có thể rút ra một số ý nghĩa và bài học quan trọng. Về mặt lịch sử, nghiên cứu khẳng định vai trò tích cực của các tăng sĩ thuộc thiền phái này trong các giai đoạn đấu tranh giải phóng dân tộc, từ cuộc binh loạn Đá Vách (thế kỷ XVIII), qua các phong trào chống thực dân Pháp (đầu thế kỷ XX), đến đấu tranh bảo vệ quyền tự do tôn giáo (thập niên 1960). Điều này thể hiện tính liên tục của tinh thần “hộ quốc an dân” qua các thế hệ trong suốt hơn 350 năm tồn tại và phát triển của thiền phái. Về đặc trưng của Phật giáo Việt Nam, ba điển hình cho thấy sự kết hợp độc đáo giữa tu hành cá nhân và trách nhiệm xã hội, thể hiện rõ qua bài kệ truyền thừa “Chúc thánh thọ thiên cửu, Kỳ quốc tộ địa trường” của Tổ sư Minh Hải Pháp Bảo. Như Hòa thượng Thích Thanh Từ nhận định: “Dân tộc và Phật giáo tuy hai mà một vì không thể tách rời ra được. Sự hưng thịnh tồn vong của dân tộc chính là sự hưng thịnh tồn vong của Phật giáo”.

Điều này khác biệt với các truyền thống Phật giáo thuần túy tập trung vào giải thoát cá nhân. Về phương thức đấu tranh, từ “động vi binh, tịnh vi tăng” của thiền sư Pháp Kiêm (tham chiến trực tiếp), đến hoạt động tổ chức cách mạng của Trần Cao Vân (vừa là tăng sĩ vừa là chí sĩ yêu nước), cho đến vị pháp thiêu thân của Thích Quảng Đức (đấu tranh bất bạo động), các cao tăng đã thể hiện nhiều hình thức đấu tranh khác nhau, phù hợp với hoàn cảnh lịch sử cụ thể.

Tất cả đều xuất phát từ tinh thần từ bi và bảo vệ chánh pháp. Về vai trò các tổ đình, nghiên cứu cho thấy các ngôi chùa thuộc thiền phái không chỉ là nơi tu hành mà còn là trung tâm tổ chức các hoạt động yêu nước, nơi che chở các nhà hoạt động cách mạng. Điều này thể hiện vai trò xã hội đa chiều của Phật giáo

Việt Nam trong các giai đoạn lịch sử.

Tinh thần nhập thế tích cực của thiền phái Chúc Thánh vẫn có ý nghĩa trong bối cảnh hiện tại, thể hiện việc kết hợp tu hành với phục vụ cộng đồng, đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Điều này cho thấy sức sống bền bỉ của các giá trị truyền thống trong thời đại mới.

Kết luận

Nghiên cứu về vai trò của thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh trong các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc đã đạt được những kết quả quan trọng. Qua việc phân tích ba điển hình tiêu biểu - thiền sư Pháp Kiêm Luật Oai, Trần Cao Vân (sư Như Ý), và Hòa thượng Thích Quảng Đức - nghiên cứu khẳng định tinh thần “hộ quốc an dân” được thể hiện nhất quán qua các thế hệ từ thế kỷ XVIII đến XX. Nghiên cứu cho thấy các cao tăng thuộc thiền phái này đã áp dụng nhiều hình thức đấu tranh khác nhau tùy theo hoàn cảnh lịch sử: từ tham gia trực tiếp các cuộc chiến (thiền sư Pháp Kiêm), tổ chức hoạt động cách mạng (Trần Cao Vân), đến đấu tranh bất bạo động (Thích Quảng Đức). Tất cả đều xuất phát từ việc kết hợp lý tưởng tu hành với trách nhiệm xã hội, thể hiện đặc trưng riêng của Phật giáo Việt Nam so với các truyền thống Phật giáo khác. Về mặt học thuật, nghiên cứu góp phần làm rõ mối quan hệ giữa tôn giáo và đời sống chính trị-xã hội trong lịch sử Việt Nam, đồng thời bổ sung tư liệu quý giá về lịch sử các tông phái Phật giáo nước ta. Tuy nhiên, nghiên cứu chỉ tập trung vào một thiền phái cụ thể và ba nhân vật tiêu biểu, chưa thể khái quát hóa cho toàn bộ Phật giáo Việt Nam.

Hướng nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng khảo sát các tông phái Phật giáo khác, so sánh với truyền thống Phật giáo các nước Đông Nam Á, nhằm làm rõ hơn đặc trưng của Phật giáo Việt Nam trong mối quan hệ với vận mệnh dân tộc.

Tác giả: **TS. Ninh Thị Sinh - Thích nữ An Khánh**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

Chú thích:

1) Viện Trần Nhân Tông, ĐHQG Hà Nội

2) Lớp Cao đẳng Phật học, BTS GHPG tỉnh Đồng Nai

3) Viện Khoa học và Xã hội Việt Nam – Viện Sử học. (2006). *Đại Nam nhất thống chí (tập 3), tái bản lần thứ 2*. Nxb Thuận Hóa. Tr.58.

4) HT. Thích Đồng Bồn, PGS. TS Chu Văn Tuấn (đồng chủ biên). (2021). *Thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh Lịch sử hình thành và phát triển*. Nxb Hồng Đức. Tr.18.

5) Nguyễn Đình Tiến. (2019). *Hội An: Lễ giỗ Tổ sư Minh Giác tại tổ đình Phước Lâm*. Truy cập ngày 14/08/2025, từ <https://phatgiaoquangnam.com/hoi-an-le-gio-to-su-minh-giac-tai-to-dinh-phuoc-lam/>.

6) Nguyễn Trần. (2019). *Chuyện quan Cai bạ làng Khuê Trung*. Báo điện tử Đà Nẵng. Truy cập ngày 14/08/2025, từ <https://baodanang.vn/chuyen-quan-cai-ba-lang-khue-trung-3231816.html>.

7) Đào Nhật Kim. (2009). *Võ Trứ và cuộc khởi nghĩa năm 1900 ở Phú Yên*. Phú Yên Online. Truy cập ngày 13/08/2025, từ <https://baophuyen.vn/94/37427/vo-tru-va-cuoc-khoi-nghia-nam-1900-o-phu-yen.html>.

8) Lê Ngọc Trác. (2012). *Trần Cao Vân: Suốt một đời gian nan vì vận nước*. Truy cập ngày 13/08/2025, từ <https://nghiencuulichsu.com/2012/10/01/tran-cao-van-suot-mot-doi-gian-nan-vi-van-nuoc/>.

9) Nguyễn Tài Thư (chủ biên). (1988). *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*. Nxb Khoa học Xã hội. Tr.124-125.

10) Nguyễn Tài Thư (chủ biên). *Sđđ*. Tr.121-122.

11) HT. Thích Đồng Bồn, PGS. TS Chu Văn Tuấn (đồng chủ biên). *Sđđ*. Tr.518.

12) TT. Thích Nhật Từ, GS. Nguyễn Tri Ân. (2018). *Bồ Tát Quảng Đức: Cuộc đời và lửa từ bi*. Nxb Hồng Đức. Tr.16.

13) BTS GHPGVN *Thành phố Huế. Tiểu sử Bồ Tát Thích Quảng Đức (1897 - 1963)*. Truy cập ngày 14/08/2025, từ <http://phatgiaohue.vn/Chu-ton-thien-duc/Chi-tiet/tid/Thich-Quang-Duc.html/pid/7154/cid/136>.

14) TT. Thích Nhật Từ, GS. Nguyễn Tri Ân. *Sđđ*. Tr.89-90.

Tài liệu tham khảo:

1] Nguyễn Hiền Đức. (1995). *Lịch sử Phật giáo Đảng Trong*. Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.

2] HT. Thích Đồng Bồn, PGS. TS Chu Văn Tuấn (đồng chủ biên). (2021). *Thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh Lịch sử hình thành và phát triển*. Nxb Hồng Đức.

- 3] Nguyễn Lang. (2022). *Việt Nam Phật giáo sử luận*. Nxb Hồng Đức.
- 4] Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 4, xuất bản lần thứ 3. (2011). Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- 5] Tỳ-kheo Thích Như Tịnh (biên soạn). (2024). *Phổ hệ truyền thừa thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh Quảng Nam & Đà Nẵng Phần I: Chư Tăng*. Nxb Hồng Đức.
- 6] Mật Thể. (1960). *Việt Nam Phật giáo sử lược*. Nxb.
- 7] Nguyễn Tài Thư (chủ biên). (1988). *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*. Nxb Khoa học Xã hội.
- 8] TT. Thích Nhật Từ, GS. Nguyễn Tri Ân. (2018). *Bồ Tát Quảng Đức: Cuộc đời và lửa từ bi*. Nxb Hồng Đức.
- 9] HT. Thích Thanh Từ. (2023). *Đạo Phật với dân tộc*. Nxb Hồng Đức.
- 10] Viện Khoa học và Xã hội Việt Nam – Viện Sử học. (2006). *Đại Nam nhất thống chí (tập 3), tái bản lần thứ 2*. Nxb Thuận Hóa.
- 11] Phan Trương Quốc Trung, Nguyễn Hữu Sử. (20217). Tìm hiểu hành trạng thiền sư Bản Quả - Khoáng Viên, vị thầy của sư Nguyên Thiều Hoán Bích, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, tập 165 (số 9).
- 12] Hà Minh Hồng. (2019). Hồ Chí Minh với tư tưởng xuyên suốt về đoàn kết. *Báo Điện tử Chính phủ*. Truy cập ngày 15/08/2025, từ <https://baochinhphu.vn/ho-chi-minh-voi-tu-tuong-xuyen-suot-ve-doan-ket-102260203.htm>.
- 13] Nguyễn Trần. (2019). Chuyện quan Cai bạ làng Khuê Trung. *Báo điện tử Đà Nẵng*. Truy cập ngày 14/08/2025, từ <https://baodanang.vn/chuyen-quan-cai-ba-lang-khue-trung-3231816.html>.
- 14] TS. Đào Nhật Kim. (2009). Võ Trứ và cuộc khởi nghĩa năm 1900 ở Phú Yên. *Phú Yên Online*. Truy cập ngày 13/08/2025, từ <https://baophuyen.vn/94/37427/vo-tru-va-cuoc-khoi-nghia-nam-1900-o-phu-yen.html>.
- 15] GS. Nguyễn Tri Ân. (2023). *Bồ Tát Thích Quảng Đức, cuộc đời và hạnh nguyện, nhìn qua các văn bản và khảo cứu*. Truy cập ngày 13/08/2025, từ <https://thuvienhoasen.org/a17386/bo-tat-thich-quang-duc-cuoc-doi-va-hanh-nguyen-nhin-qua-cac-van-ban-va-khao-cuu>.

16] BTS GHPGVN Thành phố Huế. *Tiểu sử Bồ Tát Thích Quảng Đức (1897 - 1963)*. Truy cập ngày 14/08/2025, từ <http://phatgiaohue.vn/Chu-ton-thien-duc/Chi-tiet/tid/Thich-Quang-Duc.html/pid/7154/cid/136>.

17] Nguyễn Đình Tiến. (2019). *Hội An: Lễ giỗ Tổ sư Minh Giác tại tổ đình Phước Lâm*. Truy cập ngày 14/08/202, từ <https://phatgiaoquangnam.com/hoi-an-le-gio-to-su-minh-giac-tai-to-dinh-phuoc-lam/>.

18] Lê Xuân Thông. (2021). *Sơ tổ Minh Hải Đắc Trí Pháp Bảo của dòng thiền Lâm Tế Chúc Thánh*. Truy cập ngày 13/08/2025, từ <https://phatgiao.org.vn/so-to-minh-hai-dac-tri-phap-bao-cua-dong-thien-lam-te-chuc-thanh-d49548.html#>.

19] Lê Ngọc Trác. (2012). *Trần Cao Vân: Suốt một đời gian nan vì vận nước*. Truy cập ngày 13/08/2025, từ <https://nghiencuulichsu.com/2012/10/01/tran-cao-van-suot-mot-doi-gian-nan-vi-van-nuoc/>.

20] TT.TS. Thích Đức Trường. (2023). *Các Thiền Phái và Bài Kệ Truyền Thừa Phật Giáo Vùng Nam Bộ*. Truy cập ngày 13/08/2025, từ <https://thuvienhoasen.org/a38900/cac-thien-phai-va-bai-ke-truyen-thua-phat-giao-vung-nam-bo>.

Phụ lục:

* Thủ bút chữ Nôm của Hòa thượng Thích Quảng Đức và bản phiên âm của Lời nguyện tâm quyết.



Tôi Tỳ-kheo Thích Quảng Đức, trụ trì chùa Quan Thế Âm, Phú Nhuận, Gia Định. Nhận thấy Phật giáo nước nhà đang lúc nghiêng ngả, tôi là một tu sĩ mệnh danh là Trưởng tử của Như Lai không lẽ cứ ngồi đìềm nhiên tọa thị để cho Phật giáo tiêu vong. Nên tôi vui vẻ phát nguyện thiêu thân giả tạm này cúng dường chư Phật để hồi hướng công đức bảo tồn Phật giáo. Mong ơn mười phương chư Phật, chư Đại đức, Tăng, Ni chứng minh cho tôi đạt thành chí nguyện như sau:

Một là mong ơn Phật Trời gia hộ cho Tổng thống Ngô Đình Diệm sáng suốt chấp nhận năm nguyện vọng tối thiểu của Phật giáo Việt Nam ghi trong bản tuyên ngôn. Hai là nhờ ơn Phật từ bi gia hộ cho Phật giáo Việt Nam được trường tồn bất diệt. Ba là mong nhờ hồng ân đức Phật gia hộ cho chư Đại đức Tăng Ni, Phật tử Việt Nam tránh khỏi tai nạn khủng bố, bắt bớ, giam cầm của kẻ gian ác. Bốn là cầu nguyện cho đất nước thanh bình, quốc dân an lạc.

Trước khi nhắm mắt về cảnh Phật, tôi trân trọng kính gửi lời cho Tổng thống Ngô Đình Diệm nên lấy lòng bác ái từ bi đối với quốc dân, và thi hành chánh sách bình đẳng tôn giáo để giữ vững nước nhà muôn thuở.

Tôi thiết tha kêu gọi chư Đại đức, Tăng Ni, Phật tử nên đoàn kết nhất trí hy sinh để bảo tồn Phật giáo.

Nam Mô A Di Đà Phật.

Làm tại chùa Ấn Quang ngày bốn tháng sáu năm một nghìn chín trăm sáu mươi ba (04-06-1963).

Tỳ-kheo Thích Quảng Đức thủ ký” (14).